

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ - Xin ly
hôn, nuôi con và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chính**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 236/TB-TA, ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T (T)**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018; biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 20/8/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng từ năm 2016 đến nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh T làm ăn thua lỗ, hết vốn lần này đến lần khác, thường xuyên uống rượu, mỗi lần về đến nhà là kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập, cầm dao cắt tóc và hay ghen tuông vô cớ, nói nhiều lời xúc phạm đến danh dự của chị L. Ngày 12/7/2017, chị L bị anh T đánh phải điều trị tại bệnh viện đa khoa Sa

Đéc. Gần đây, anh Thới đánh chị L, chị L có trình báo với công an xã lập biên bản sự việc. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 01/7/1998; Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 và Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013. Hiện 03 con chung đang sống với vợ chồng. Nay ly hôn, con chung Trần Thiện N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thiện Ng và Trần Thiện An K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh Trần Ngọc T thừa nhận thời gian vợ chồng chung sống và có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau đúng như chị L trình bày. Anh T cho rằng chị L có người khác bên ngoài, anh thừa nhận có đánh chị L. Nhưng anh T vẫn còn thương chị L nên anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 01/7/1998; Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 và Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013. Hiện 03 con chung đang sống với vợ chồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý để 02 con chung tên Trần Thiện Ng và Trần Thiện An K cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng con chung Trần Thiện N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Giấy CMND tên Nguyễn Thị Mỹ L (Bản photo);
2. Giấy CMND tên Trần Ngọc T (Bản photo);
3. Sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thị Mỹ L (Bản photo);
4. Giấy chứng nhận kết hôn Trần Ngọc T – Nguyễn Thị Mỹ L, ngày đăng ký 20/8/2002, do UBND xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp cấp (Bản chính);
5. Giấy khai sinh Trần Thiện N, sinh ngày 01/7/1998 (Bản sao);
6. Trích lục khai sinh Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 (Bản sao);
7. Giấy khai sinh Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013 (Bản sao);
8. Bản tự khai ngày 14/6/2018 của Trần Thiện Ng (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Anh Trần Ngọc T là người bị kiện có địa chỉ tại ấp BH, xã BT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/8/2002. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Bởi vì, chị L và anh T đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Anh T làm ăn thua lỗ, thường xuyên uống rượu, mỗi lần về đến nhà là kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập, cầm dao cắt tóc và hay ghen tuông vô cớ, nói nhiều lời xúc phạm đến danh dự của chị L. Anh T cho rằng chị L có người khác bên ngoài, anh thừa nhận có đánh chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T phải xuất phát từ tình cảm của hai bên mới xây dựng được hạnh phúc; chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn với anh T, còn anh T thì cho rằng còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị L và anh T thừa nhận vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 01/7/1998; Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 và Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013. Hiện 03 con chung đang sống với vợ chồng. Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 14/6/2018 thì Trần Thiện Ng có nguyện vọng được sống với chị L. Đồng thời, chị L và anh T thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 và Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013. Anh Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Mỹ L không có yêu cầu.

Anh Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung Trần Thiện N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị L và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 04626 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Ngọc T như sau:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thiện Ng, sinh ngày 11/8/2007 và Trần Thiện An K, sinh ngày 10/01/2013. Anh Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Mỹ L không có yêu cầu.

Anh Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung Trần Thiện N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L và anh T thống nhất không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 04626 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trịnh Hữu Chinh